



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Công Ty Cổ
Phần Vận
Tải Xăng
Dầu Vitaco

Digitally signed by
Công Ty Cổ Phần Vận
Tải Xăng Dầu Vitaco
DN: cn=Công Ty Cổ
Phần Vận Tải Xăng
Dầu Vitaco, c=VN,
st=Hồ Chí Minh
Date: 2025.08.28
15:42:03 +07'00'



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

4103004305

ngày 6 tháng 2 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300545501 ngày 30 tháng 11 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông La Văn Út	Chủ tịch
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên
Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
	<i>(từ ngày 1 tháng 7 năm 2025)</i>
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	<i>(đến ngày 30 tháng 4 năm 2025)</i>
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc
	<i>(đến ngày 31 tháng 5 năm 2025)</i>

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên

Trụ sở đăng ký

236/106/1A Điện Biên Phủ
Phường Gia Định
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a)
- (b) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (c) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, 28-08-2025



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28-08-2025, được trình bày từ trang 6 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh 28 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chưa ghi nhận doanh thu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đối với chuyến hàng Voy7 do tàu Petrolimex 20 thực hiện bắt đầu từ ngày 12 tháng 6 năm 2025 và kết thúc trả hàng vào ngày 1 tháng 7 năm 2025 với giá trị cước vận chuyển là 15.563 triệu VND. Đồng thời, một công ty con của Công ty cũng chưa ghi nhận doanh thu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đối với 3 chuyến hàng có ngày bắt đầu nhận hàng vào tháng 6 năm 2025 và trả hàng vào tháng 7 năm 2025 với tổng giá trị cước vận chuyển là 4.581 triệu VND.

Ban Giám đốc Công ty và công ty con đánh giá rằng doanh thu từ các chuyến hàng nêu trên chỉ được ghi nhận khi tất cả các điều kiện của hợp đồng được thỏa mãn tại thời điểm hàng hóa được giao đầy đủ, an toàn, đúng chất lượng và đúng địa điểm, vào tháng 7 năm 2025.

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác ("VAS 14"), doanh thu cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ được ghi nhận trong kỳ báo cáo theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Do đó, nguyên tắc ghi nhận doanh thu đối với các chuyến hàng nêu trên của Công ty và công ty con là chưa phù hợp với quy định của VAS 14.

Nếu Công ty và công ty con ghi nhận doanh thu từ các chuyến hàng nêu trên theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành tại ngày 30 tháng 6 năm 2025:

- doanh thu cung cấp dịch vụ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 sẽ tăng 16.028 triệu VND;
- giá vốn dịch vụ cung cấp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 sẽ tăng 8.006 triệu VND và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và hàng tồn kho khác (nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ) sẽ giảm lần lượt 5.158 triệu VND và 247 triệu VND; phải trả người lao động và phải trả nhà cung cấp sẽ tăng lần lượt là 1.436 triệu VND và 1.165 triệu VND;
- chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và thuế phải nộp Nhà nước tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 sẽ tăng 1.604 triệu VND; và
- lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 sẽ tăng 6.418 triệu VND.



Kết luận soát xét ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-02-00196-25-2



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 2594-2024-007-1



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		1.061.952.147.417	1.085.758.815.951
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	884.407.077.009	890.556.025.885
Tiền	111		89.407.077.009	100.556.025.885
Các khoản tương đương tiền	112		795.000.000.000	790.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		83.660.050.689	101.908.297.705
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	52.627.872.551	66.592.211.884
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	5.318.197.113	5.514.408.572
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	25.880.659.210	29.918.351.979
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(166.678.185)	(116.674.730)
Hàng tồn kho	140	13	92.675.789.277	91.784.230.904
Hàng tồn kho	141		92.675.789.277	91.784.230.904
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.209.230.442	1.510.261.457
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.209.230.442	1.354.864.868
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	155.396.589
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		453.507.002.351	530.069.039.831
Các khoản phải thu dài hạn	210		265.500.000	265.500.000
Phải thu dài hạn khác	216		265.500.000	265.500.000
Tài sản cố định	220		431.748.561.183	508.310.598.663
Tài sản cố định hữu hình	221	14	410.547.132.656	486.802.667.890
Nguyên giá	222		4.273.577.697.868	4.271.320.940.948
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.863.030.565.212)	(3.784.518.273.058)
Tài sản cố định vô hình	227	15	21.201.428.527	21.507.930.773
Nguyên giá	228		28.250.980.211	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.049.551.684)	(6.743.049.438)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	10.741.176.461	10.741.176.461
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.500.000.000	64.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(53.758.823.539)	(53.758.823.539)
Tài sản dài hạn khác	260		10.751.764.707	10.751.764.707
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		10.751.764.707	10.751.764.707
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.515.459.149.768	1.615.827.855.782

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		402.408.564.784	445.618.408.850
Nợ ngắn hạn	310		293.327.259.221	299.974.707.394
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	21.164.874.561	30.666.801.162
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		123.693.634	120.170.952
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	24.450.579.380	11.186.724.591
Phải trả người lao động	314		38.862.645.209	80.808.414.249
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	8.616.688.727	4.437.895.942
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	41.521.198.998	33.758.012.718
Vay ngắn hạn	320	21(a)	59.384.425.375	71.380.815.025
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	63.577.689.311	51.182.871.054
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	35.625.464.026	16.433.001.701
Nợ dài hạn	330		109.081.305.563	145.643.701.456
Vay dài hạn	338	21(b)	109.081.305.563	145.643.701.456
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.113.050.584.984	1.170.209.446.932
Vốn chủ sở hữu	410	24	1.113.050.584.984	1.170.209.446.932
Vốn cổ phần	411	25	798.666.660.000	798.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		798.666.660.000	798.666.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		123.257.066	123.257.066
Quỹ đầu tư phát triển	418		213.491.855.223	213.491.855.223
Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	421		100.768.812.695	157.927.674.643
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		50.635.446.318	47.091.809.674
- LNST kỳ này/năm nay	421b		50.133.366.377	110.835.864.969
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.515.459.149.768	1.615.827.855.782

28-08-2025

Người lập:



Trần Thị Thành
Kế toán tổng hợp



Phan Nhân Tri
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	28	543.890.328.324	527.375.521.068
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	430.939.461.550	400.871.043.026
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 01 - 11)	20		112.950.866.774	126.504.478.042
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	16.530.104.222	9.752.545.685
Chi phí tài chính	22	31	7.602.000.775	13.903.358.753
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.112.045.444	8.843.955.867
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	57.363.580.777	49.418.918.431
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		64.515.389.444	72.934.746.543
Thu nhập khác	31		317.051.798	289.975.812
Chi phí khác	32		377.808.531	276.359.850
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(60.756.733)	13.615.962
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		64.454.632.711	72.948.362.505
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	14.321.266.334	16.043.756.518
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	34	-	(159.011.517)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		50.133.366.377	57.063.617.504
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		50.133.366.377	57.063.617.504
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	472	583

28-08-2025

Người lập:

Trần Thị Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Phan Nhân Trì
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		64.454.632.711	72.948.362.505
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		78.818.794.400	66.732.280.252
Các khoản dự phòng	03		52.678.476.085	45.573.285.359
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.113.392.115	3.149.456.553
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(16.061.144.485)	(9.312.049.087)
Chi phí lãi vay	06		6.112.045.444	8.843.955.867
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		187.116.196.270	187.935.291.449
Biến động các khoản phải thu	09		18.232.884.725	25.022.829.349
Biến động hàng tồn kho	10		(891.558.373)	1.841.170.566
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(72.167.025.155)	(20.050.393.138)
Biến động chi phí trả trước	12		145.634.426	(53.815.927)
			132.436.131.893	194.695.082.299
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.289.797.547)	(9.195.100.101)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.703.543.493)	(18.706.712.947)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.128.100.000)	(11.106.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		109.314.690.853	155.687.069.251
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.256.756.920)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		16.061.144.485	7.845.843.608
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		13.804.387.565	7.845.843.608

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(49.715.032.025)	(51.521.043.752)
Tiền trả cổ tức	36		(79.606.024.000)	(63.783.526.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(129.321.056.025)	(115.304.569.952)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(6.201.977.607)	48.228.342.907
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		890.556.025.885	740.620.646.441
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		53.028.731	91.504.877
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	9	884.407.077.009	788.940.494.225

28-08-2025

Người lập:



Trần Thị Thành
Kế toán tổng hợp



Phan Nhân Tri
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm Công ty và các công ty con.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 2 công ty con (1/1/2025: 2 công ty con), chi tiết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	
		31/12/2025	1/1/2025
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	Kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải	100%	100%
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	Kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải	100%	100%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty và các công ty con có 539 nhân viên (1/1/2025: 541 nhân viên).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Đ. & M.S.D.
1
NAM

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và/hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty và các công ty con có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	37 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 7 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất trong vòng 43 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí sửa chữa lớn

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty và các công ty con thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2 – 2,5 năm/lần. Số dự phòng chi phí sửa chữa lớn được xác định theo dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong chu kỳ tiếp theo.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản ước tính phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, công ty mẹ cấp cao nhất – Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, không có sự thay đổi trọng yếu nào về các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty và các công ty con không có khoản mục bất thường nào phát sinh trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Công ty và các công ty con trong kỳ báo cáo giữa niên độ này.

8. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bộ phận kinh doanh vận tải: vận tải xăng dầu; và
- Bộ phận khác: dịch vụ hàng hải và các hoạt động khác của Công ty và các công ty con.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

	Vận tải VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	526.815.277.068	17.075.051.256	-	543.890.328.324
Doanh thu giữa các bộ phận	-	4.999.935.128	(4.999.935.128)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	526.815.277.068	22.074.986.384	(4.999.935.128)	543.890.328.324
Lợi nhuận gộp của bộ phận	106.339.957.489	6.610.909.285	-	112.950.866.774
Chi phí phân bổ	(53.534.993.948)	(3.828.586.829)	-	(57.363.580.777)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	52.804.963.541	2.782.322.456	-	55.587.285.997
Doanh thu tài chính				16.530.104.222
Chi phí tài chính				(7.602.000.775)
Thu nhập khác				317.051.798
Chi phí khác				(377.808.531)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(14.321.266.334)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN				50.133.366.377



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

	Vận tải VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	512.680.904.830	14.694.616.238	-	527.375.521.068
Doanh thu giữa các bộ phận	-	6.062.913.896	(6.062.913.896)	-
	512.680.904.830	20.757.530.134	(6.062.913.896)	527.375.521.068
Tổng doanh thu của bộ phận	119.052.676.201	7.451.801.841	-	126.504.478.042
Lợi nhuận gộp của bộ phận	(46.002.287.933)	(3.416.630.498)	-	(49.418.918.431)
Chi phí phân bổ	73.050.388.268	4.035.171.343	-	77.085.559.611
Kết quả kinh doanh của bộ phận				
Doanh thu tài chính				9.752.545.685
Chi phí tài chính				(13.903.358.753)
Thu nhập khác				289.975.812
Chi phí khác				(276.359.850)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(16.043.756.518)
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				159.011.517
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN				57.063.617.504



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

	Vận tải VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận			
Tài sản không phân bổ	480.914.616.463	47.856.037.802	528.770.654.265
Tổng tài sản			986.688.495.503
Nợ phải trả của bộ phận			1.515.459.149.768
Các khoản nợ không phân bổ	321.714.570.128	36.454.633.398	358.169.203.526
Tổng nợ phải trả			44.239.361.258
			402.408.564.784

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025

	Vận tải VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận			
Tài sản không phân bổ	570.221.479.214	43.728.676.104	613.950.155.318
Tổng tài sản			1.001.877.700.464
Nợ phải trả của bộ phận			1.615.827.855.782
Các khoản nợ không phân bổ	369.990.445.503	30.469.112.767	400.459.558.270
Tổng nợ phải trả			45.158.850.580
			445.618.408.850



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

	Vận tải VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Chi tiêu vốn	2.256.756.920	-	2.256.756.920
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	78.512.292.154	-	78.512.292.154
Khấu hao tài sản cố định vô hình	306.502.246	-	306.502.246

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

	Vận tải VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	66.425.778.006	-	66.425.778.006
Khấu hao tài sản cố định vô hình	306.502.246	-	306.502.246

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty và các công ty con hoạt động tại miền Nam và miền Trung Việt Nam. Hoạt động kinh doanh tại miền Trung là không trọng yếu đối với Công ty và các công ty con.



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền mặt	480.317.779	2.138.372.622
Tiền gửi ngân hàng	88.926.759.230	98.417.653.263
Các khoản tương đương tiền (*)	795.000.000.000	790.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	884.407.077.009	890.556.025.885
	<hr/>	<hr/>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 3,7% đến 4,1%/năm (1/1/2025: từ 3,7% đến 4,0%/năm).

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	10.720.054.489	22.866.380.799
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	38.577.403.538	41.430.891.503
<i>Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	1.462.833.529	911.580.077
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex	735.331.648	513.682.536
Hải Phòng	<hr/>	<hr/>
	51.495.623.204	65.722.534.915
	<hr/>	<hr/>
Bên khác		
Các khách hàng khác	1.132.249.347	869.676.969
	<hr/>	<hr/>
	52.627.872.551	66.592.211.884
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Bên khác		
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp		
Hàng hải Sài Gòn	2.018.306.029	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Thiên Trà	1.095.302.250	-
Công ty TNHH Thương mại PQS An Thịnh	584.820.000	-
Becker Marine Systems GmbH	-	4.880.237.711
Các nhà cung cấp khác	1.619.768.834	634.170.861
	5.318.197.113	5.514.408.572

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Chi hệ các công ty liên quan	15.218.080.738	19.154.575.594
▪ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	7.760.875.786	10.427.339.507
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	4.258.628.282	3.337.337.275
▪ Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	1.816.149.325	225.851.762
▪ Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	1.318.789.845	1.911.909.619
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	63.637.500	44.787.850
▪ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex –		
Chi nhánh Sài Gòn	-	3.207.349.581
Chi hệ các bên khác	8.409.569.462	7.166.382.226
Tạm ứng cho người lao động	2.164.949.800	2.766.335.983
Các khoản phải thu khác	88.059.210	831.058.176
	25.880.659.210	29.918.351.979

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Nguyên vật liệu	85.683.597.336	89.307.239.153
Công cụ và dụng cụ	1.833.929.004	1.350.723.047
Sản phẩm dở dang	5.158.262.937	1.126.268.704
	92.675.789.277	91.784.230.904

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	106.179.491.913	418.919.147	4.163.935.729.604	786.800.284	4.271.320.940.948
Tăng trong năm	-	-	2.256.756.920	-	2.256.756.920
Số dư cuối kỳ	106.179.491.913	418.919.147	4.166.192.486.524	786.800.284	4.273.577.697.868
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	15.925.256.950	418.919.147	3.767.646.174.453	527.922.508	3.784.518.273.058
Khấu hao trong kỳ	1.448.594.292	-	76.996.164.528	67.533.334	78.512.292.154
Số dư cuối kỳ	17.373.851.242	418.919.147	3.844.642.338.981	595.455.842	3.863.030.565.212
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	90.254.234.963	-	396.289.555.151	258.877.776	486.802.667.890
Số dư cuối kỳ	88.805.640.671	-	321.550.147.543	191.344.442	410.547.132.656

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 288.705 triệu VND (1/1/2025: 350.065 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 21(b)).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 3.222.512 triệu VND (1/1/2025: 2.777.274 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	6.743.049.438
Khấu hao trong kỳ	306.502.246
Số dư cuối kỳ	7.049.551.684
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	21.507.930.773
Số dư cuối kỳ	21.201.428.527

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	-	3.665.543.468
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Công ty Xăng dầu B12	3.210.232.124	3.951.429.922
Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	3.012.260.827	880.277.180
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	854.460.461	1.384.440.985
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	425.092.929	73.001.947
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	311.829.969	842.146.098
Công ty Xăng dầu Khu vực V – TNHH MTV	68.448.270	-
Công ty Xăng dầu Nghệ An	68.447.143	-
Công ty Xăng dầu Bình Định	61.936.732	1.552.315.780
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	44.306.611	1.134.331.980
Công ty Xăng dầu Khu vực II – TNHH MTV	24.585.300	25.479.900
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	19.990.028	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	-	1.938.640.735
	<hr/> 8.101.590.394	<hr/> 15.447.607.995
Bên khác		
Công ty Cổ phần Biển Đông	1.913.588.129	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải MTD	1.103.138.200	-
Công ty TNHH Hoa Thiên Sứ	-	2.501.730.000
Các nhà cung cấp khác	10.046.557.838	12.717.463.167
	<hr/> 13.063.284.167	<hr/> 15.219.193.167
	<hr/> 21.164.874.561	<hr/> 30.666.801.162

Khoản phải trả cho các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	834.108.425	18.478.921.248	(10.799.829.774)	8.513.199.899
Thuế nhập khẩu	-	1.636.322.920	(1.636.322.920)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.523.005.943	14.321.266.334	(8.703.543.493)	14.140.728.784
Thuế thu nhập cá nhân	1.762.715.767	5.773.368.531	(7.041.932.731)	494.151.567
Các loại thuế khác	66.894.456	1.542.782.678	(307.178.004)	1.302.499.130
	11.186.724.591	41.752.661.711	(28.488.806.922)	24.450.579.380

(*) Số thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ thể hiện số đã căn trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa	1.060.794.000	1.541.523.934
Chi phí lãi vay	429.559.772	607.311.875
Chi phí phúc lợi	4.006.000.000	-
Cảng phí	-	508.979.725
Các khoản khác	3.120.334.955	1.780.080.408
	8.616.688.727	4.437.895.942

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Kinh phí công đoàn	3.096.611.824	2.509.692.040
Chi phí trả hộ về thuê thuyền viên cho Công ty TNHH MTV Thuyền viên VIPCO – công ty liên quan	2.474.942.212	1.796.214.126
Cổ tức phải trả	1.472.714.860	1.212.072.860
Phải trả về hoạt động nhập khẩu ủy thác	4.990.611.880	2.573.522.526
Chi hộ cảng phí	15.271.565.925	11.004.978.657
Chi phí thu hộ, chi hộ khác	14.214.752.297	14.661.532.509
	41.521.198.998	33.758.012.718

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ 1/1/2025 VND	Chuyển từ vay dài hạn VND	Biến động trong kỳ Trả nợ vay VND	Chênh lệch quy đổi tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ 30/6/2025 VND
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21(b))	71.380.815.025	37.291.177.662	(49.715.032.025)	427.464.713	59.384.425.375

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a– DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	VND	7,1%	2032	86.230.000.000	92.370.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành	VND	7,0%	2026	38.814.457.500	54.340.240.500
Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	6,0%	2027	23.686.523.438	41.500.413.281
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển	USD	4,5%	2027	19.734.750.000	28.813.862.700
				168.465.730.938	217.024.516.481
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(59.384.425.375)	(71.380.815.025)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				109.081.305.563	145.643.701.456

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty và các công ty con có giá trị còn lại là 288.705 triệu VND (1/1/2025: 350.065 triệu VND) (Thuyết minh 14).



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Dự phòng sửa chữa lớn	63.577.689.311	51.182.871.054
<hr/>		
Biến động của dự phòng sửa chữa lớn trong kỳ như sau:		
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	51.182.871.054	41.483.120.307
Dự phòng lập trong kỳ	52.628.472.630	44.778.227.771
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(40.233.654.373)	(16.066.545.955)
<hr/>		
Số dư cuối kỳ	63.577.689.311	70.194.802.123
<hr/>		

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và các công ty con.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	16.433.001.701	20.817.639.388
Trích lập trong kỳ	27.425.562.325	20.999.412.313
Sử dụng quỹ	(8.233.100.000)	(11.106.200.000)
<hr/>		
Số dư cuối kỳ	35.625.464.026	30.710.851.701
<hr/>		

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1/1/2024	798.666.660.000	123.257.066	213.491.855.223	131.984.554.787	1.144.266.327.076
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	57.063.617.504	57.063.617.504
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(20.999.412.313)	(20.999.412.313)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(63.893.332.800)	(63.893.332.800)
Số dư tại ngày 30/6/2024	798.666.660.000	123.257.066	213.491.855.223	104.155.427.178	1.116.437.199.467
Số dư tại ngày 1/1/2025	798.666.660.000	123.257.066	213.491.855.223	157.927.674.643	1.170.209.446.932
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	50.133.366.377	50.133.366.377
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(27.425.562.325)	(27.425.562.325)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(79.866.666.000)	(79.866.666.000)
Số dư tại ngày 30/6/2025	798.666.660.000	123.257.066	213.491.855.223	100.768.812.695	1.113.050.584.984



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành được trình bày theo mệnh giá của Công ty là:

	30/6/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	79.866.666	798.666.660.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

26. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 25 tháng 4 năm 2025 đã quyết định chia cổ tức cho năm 2024 với số tiền là 79.867 triệu VND, tương đương 10% vốn cổ phần (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: chia cổ tức với số tiền là 63.893 triệu VND, tương đương 8% vốn cổ phần).

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trong vòng một năm	154.001.622	156.000.000
Trong vòng hai đến năm năm	23.454.546	90.000.000
	177.456.168	246.000.000

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

	30/6/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	323.540	8.380.493.041	423.535	10.694.683.039

28. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ thể hiện giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển (*)	526.815.277.068	506.617.990.934
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	17.075.051.256	20.757.530.134
	543.890.328.324	527.375.521.068

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tàu Petrolimex 20 của Công ty đang thực hiện chuyến hàng Voy7, bắt đầu từ ngày 12 tháng 6 năm 2025 và kết thúc trả hàng vào lúc 15 giờ ngày 1 tháng 7 năm 2025 với giá trị cước vận chuyển là 15.563 triệu VND. Công ty chưa ghi nhận khoản doanh thu này cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vì các lý do sau đây:

a- Căn cứ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác (“VAS 14”):

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong trường hợp chuyển hàng Voy7 của tàu Petrolimex 20:

- Thời gian hoàn thành: Chuyển hàng bắt đầu từ ngày 12 tháng 6 năm 2025 và kết thúc trả hàng vào 15 giờ ngày 1 tháng 7 năm 2025; và
- Bản chất dịch vụ: Dịch vụ vận chuyển xăng dầu yêu cầu nhận, trả hàng an toàn; đảm bảo đúng số lượng, chất lượng và đúng nơi quy định theo hợp đồng. Điều này xác định rằng việc hoàn thành dịch vụ chỉ được xác nhận khi hàng hóa được giao đầy đủ, an toàn, đúng chất lượng và đúng địa điểm.

Do đó giao dịch này chưa thỏa mãn điểm (c) theo quy định của VAS 14 do không thể xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính của kỳ kết thúc giữa niên độ 30 tháng 6 năm 2025.

- b- Theo nguyên tắc thận trọng của kế toán: Công ty áp dụng nguyên tắc thận trọng, tức là chỉ ghi nhận doanh thu khi chắc chắn rằng tất cả các điều kiện của hợp đồng đã được đáp ứng đầy đủ.

Từ các lý do trên, Công ty sẽ ghi nhận doanh thu chuyển hàng này vào tháng 7 năm 2025 và trình bày trong báo cáo tài chính Quý 3 năm 2025 với các chi phí biến đổi tương ứng với khoản doanh thu này (bao gồm nhiên liệu, cảng phí, tiền lương, ...) ước tính khoảng 7.640 triệu VND. Đồng thời việc ghi nhận này cũng phù hợp với chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh thu cung ứng dịch vụ.

Ngoài ra một công ty con của Công ty cũng phát sinh 3 chuyển hàng bao gồm:

- tàu Nhà Bè 08 Voy31 nhận hàng ngày 30 tháng 6 năm 2025 và trả hàng ngày 3 tháng 7 năm 2025;
- tàu Nhà Bè 09 Voy35 nhận hàng ngày 30 tháng 6 năm 2025 và trả hàng ngày 4 tháng 7 năm 2025; và
- tàu Nhà Bè 11 Voy 30 nhận hàng ngày 29 tháng 6 năm 2025 và trả hàng ngày 4 tháng 7 năm 2025.

Tổng doanh thu của 3 chuyển hàng này là 4.581 triệu VND và giá vốn ước tính tương ứng là 4.068 triệu VND. Công ty con này đã ghi nhận doanh thu và chi phí của 3 chuyển hàng này vào tháng 7 năm 2025 tương tự như tàu Petrolimex 20.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển	420.475.319.579	391.659.447.351
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	10.464.141.971	9.211.595.675
	<hr/>	<hr/>
	430.939.461.550	400.871.043.026

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	16.061.144.485	8.312.049.087
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	468.959.737	440.496.598
Cổ tức được chia	-	1.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	16.530.104.222	9.752.545.685

31. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	6.112.045.444	8.843.955.867
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.489.815.331	4.262.791.096
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty khác	-	795.057.588
Chi phí tài chính khác	140.000	1.554.202
	<hr/>	<hr/>
	7.602.000.775	13.903.358.753

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	31.175.781.168	27.444.451.842
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.625.241.433	4.349.938.254
Chi phí khấu hao	2.432.498.083	2.643.216.154
Chi phí vật liệu quản lý	1.049.174.751	1.549.216.507
Chi phí đồ dùng văn phòng	930.246.000	162.239.206
Chi phí khác	16.150.639.342	13.269.856.468
	57.363.580.777	49.418.918.431

33. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	148.069.341.780	140.467.037.222
Chi phí nhân viên	106.460.769.975	102.966.066.554
Chi phí khấu hao	78.818.794.400	66.732.280.252
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.791.868.582	61.037.272.379
Chi phí khác	98.194.261.823	79.087.305.050

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	14.321.266.334	15.667.831.501
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	375.925.017
	<hr/>	<hr/>
	14.321.266.334	16.043.756.518
	<hr/>	<hr/>
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	(159.011.517)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	14.321.266.334	15.884.745.001
	<hr/>	<hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	64.454.632.711	72.948.362.505
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.890.926.542	14.589.672.501
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.430.339.792	1.280.712.230
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	375.925.017
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	-	(161.564.747)
Ảnh hưởng của thu nhập không chịu thuế	-	(200.000.000)
	<hr/>	<hr/>
	14.321.266.334	15.884.745.001
	<hr/>	<hr/>

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán báo cáo là 37.728.214.267 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: 46.563.911.347 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ là 79.866.666 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: 79.866.666), chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
Lợi nhuận thuần hợp nhất trong kỳ (VND)	50.133.366.377	57.063.617.504
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (*)	(12.405.152.110)	(10.499.706.157)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	37.728.214.267	46.563.911.347
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	79.866.666	79.866.666
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	472	583

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty ước tính số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên cơ sở số lợi nhuận đã được sử dụng để trích cho năm liền kề.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	312.570.681.042	312.379.841.333
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex		
Cung cấp dịch vụ	219.780.720.974	204.631.266.918
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	3.961.341.734	2.112.450.432
Chia cổ tức	41.465.217.000	33.172.173.600
Các công ty con của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore		
Cung cấp dịch vụ	187.302.323	221.808.719
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	29.266.049.715	37.065.014.707
Công ty Xăng dầu Nghệ An		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	6.859.104.518	18.419.414.977
Công ty Xăng dầu B12		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	32.912.420.277	18.103.126.010
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	13.094.522.270	14.168.209.259
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	19.805.350.006	11.949.112.513
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	6.918.103.465	10.318.384.557
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex		
Cung cấp dịch vụ	4.937.257.035	5.104.151.249

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	2.252.169.286	2.163.297.519
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng Cung cấp dịch vụ	1.074.345.181	894.379.999
Công ty Xăng dầu Bình Định Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	517.216.837	522.834.140
Công ty Xăng dầu Khu vực 5 Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	808.041.880	382.252.580
Công ty Xăng dầu Phú Khánh Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	-	63.367.440
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	2.364.591.838	37.752.000
Công ty Xăng dầu Khu vực II – TNHH MTV Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	1.025.985.054	763.019.394
Công ty Xăng dầu Đồng Nai Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	590.250.486	-
Công ty liên kết của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	15.253.977.248	14.385.126.057
Công ty Bảo hiểm PJICO Hải Phòng Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	982.966.479	957.193.726
Công ty Bảo hiểm PJICO Đà Nẵng Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	104.813.933	34.670.906



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		Giá trị giao dịch	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2025	30/6/2024
		VND	VND
Thành viên Ban Giám đốc			
Tiền lương và thưởng			
Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc	421.800.000	308.800.000
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc	337.800.000	248.800.000
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc	337.800.000	248.800.000
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc (*)		
	<i>(từ ngày 1/7/2025)</i>	295.800.000	-
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc (**)		
	<i>(đến ngày 30/4/2025)</i>	247.800.000	248.800.000
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc		
	<i>(đến ngày 31/5/2025)</i>	282.800.000	248.800.000
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc		
	<i>(đến ngày 30/6/2024)</i>	-	248.800.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát			
Tiền lương, thưởng và thù lao			
Ông La Văn Út	Chủ tịch	499.800.000	368.800.000
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên	66.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên	66.000.000	48.000.000
Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên	66.000.000	48.000.000
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên	66.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên	66.000.000	48.000.000
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên		
	<i>(đến ngày 30/6/2024)</i>	-	48.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Trưởng Ban Kiểm soát	268.800.000	206.800.000
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát	46.200.000	33.600.000
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên Ban Kiểm soát	46.200.000	33.600.000

(*) Khoản tiền lương và thưởng của ông Nguyễn Trọng Nghĩa cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 là khoản tiền lương và thưởng khi tại chức Kế toán trưởng.

(**) Các khoản tiền lương thưởng của ông Bùi Hồng Dũng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 ghi nhận cho chức danh Chủ tịch của Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn và kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 ghi nhận cho chức danh Giám đốc của Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn, được chi trả bởi Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn - công ty con của Công ty.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh liên quan tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

28-08-2025

Người lập:

Trần Thị Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Phan Nhân Tri
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

